

TỈNH ỦY TUYÊN QUANG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 1595-CV/BTGTU
Về định hướng một số nội dung
tuyên truyền tháng 6 năm 2023

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

- Kính gửi:*
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh
 - Thường trực các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy
 - Báo Tuyên Quang
 - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
 - Các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh
 - Ban Tuyên giáo huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Thực hiện Chương trình công tác, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên tập tài liệu định hướng một số nội dung tuyên truyền tháng 6 năm 2023, gồm **03** nội dung:

(1) Một số kết quả chủ yếu Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

(2) Định hướng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

(3) Một số nội dung trọng tâm truyền thông về quyền con người năm 2023.

(Có tài liệu tuyên truyền gửi kèm theo).

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đề nghị:

1- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chỉ đạo thông qua sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, hội nghị báo cáo viên, hệ thống loa truyền thanh, mạng xã hội và các phương tiện thông tin tuyên truyền của địa phương, cơ quan, đơn vị để tổ chức tuyên truyền các nội dung bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đối tượng. Căn cứ tình hình thực tiễn có thể bổ sung nội dung tuyên truyền của địa phương, ngành, cơ quan đơn vị tuyên truyền, phổ biến các nội dung đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân bảo đảm đúng quy định.

2- Các cơ quan báo chí của tỉnh: Bố trí dung lượng, thời lượng phù hợp tuyên truyền các nội dung theo tài liệu định hướng tuyên truyền.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Công TTĐT Đảng bộ tỉnh,
- Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Các phòng thuộc Ban,
- Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Đỗ Hồng Thanh



ĐỀ CƯƠNG TÀI LIỆU
ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN THÁNG 6 NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số 1595-CV/BTGTU ngày 25/5/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

I- MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU HỘI NGHỊ GIỮA NHIỆM KỲ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 15/5/2023 đến ngày 17/5/2023, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp Hội nghị giữa nhiệm kỳ để thảo luận, cho ý kiến về các nội dung: Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ và một số nhiệm vụ trọng tâm đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng; lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII; và một số vấn đề quan trọng khác.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì và có các bài phát biểu quan trọng khai mạc, bế mạc Hội nghị.

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định Hội nghị giữa nhiệm kỳ có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; là dịp để đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả, thành tựu đã đạt được từ đầu nhiệm kỳ đến nay, chỉ ra những hạn chế, yêu kém tồn tại, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; dự báo bối cảnh tình hình mới với những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; để từ đó, đề ra những chủ trương, quyết sách lớn cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong nửa cuối của nhiệm kỳ khóa XIII, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Về Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ và một số nhiệm vụ trọng tâm đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh giá cao sự chuẩn bị và nhất trí cao với các nội dung nêu trong Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội XIII của Đảng đến nay; cho rằng, việc kiểm điểm của tập thể và cá nhân Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã được chuẩn bị rất nghiêm túc, chu đáo, bài bản, cầu thị và có tính tự phê bình sâu sắc.

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn, dân chủ, khách quan, chân tình, tâm huyết, thể hiện rõ chính kiến trong việc thảo luận, cho ý kiến vào các nội dung trong Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư giữa nhiệm kỳ và một số nhiệm vụ trọng tâm đến hết nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng.

Các nội dung thảo luận tập trung gắn chặt công tác kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong bối cảnh, tình hình trong nước và thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, bất thường và khó khăn, phức tạp so với dự báo cũng như so với cùng thời điểm các nhiệm kỳ trước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung phân tích, làm rõ, nêu bật những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và

khôi đại đoàn kết toàn dân tộc; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những kết quả và thành tựu đã đạt được trong thời gian qua thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo vững vàng, sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; là sản phẩm kết tinh sự sáng tạo của cả quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém; phân tích nguyên nhân và rút ra 05 bài học kinh nghiệm về việc đổi mới phương thức lãnh đạo và phong cách, lề lối làm việc.

Trên cơ sở phân tích, dự báo về bối cảnh, tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu chỉ đạo tập trung, ưu tiên triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm trong nửa cuối của nhiệm kỳ khóa XIII: phát triển kinh tế; phát triển văn hóa, xã hội; tăng cường quốc phòng, an ninh, tổ chức thật tốt các hoạt động đối ngoại; đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tập trung chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

3. Về việc lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất nhận định việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là một trong những nội dung đổi mới rất quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, qua đó, giúp các đồng chí được lấy phiếu tự nhìn nhận lại mình để điều chỉnh, tiếp tục phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao trách nhiệm nêu gương, trình độ, năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, giúp Bộ Chính trị có thêm thông tin để đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, qua đó củng cố, tăng cường niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng.

Xuất phát từ ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề trên, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, dân chủ, khách quan, công tâm, nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo kiểm điểm cá nhân của từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư; căn cứ từ thực tế quan hệ công tác đã thể hiện rõ chính kiến về mức độ tín nhiệm đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư khóa XIII của Đảng.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng sau Hội nghị này, với niềm tin mới, khí thế mới, động lực mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ tiếp tục đoàn kết, phấn đấu với quyết tâm và nỗ lực cao hơn nữa; năng động, sáng tạo hơn nữa để sáng suốt nắm bắt mọi thời cơ, thuận lợi; vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức; hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho cả nhiệm kỳ khóa XIII.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Ngày 30/01/2023, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về *phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới*, Nghị quyết nêu quan điểm, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1- Quan điểm

(1) Phát triển công nghệ sinh học là xu thế của thế giới; là động lực quan trọng để thực hiện quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

(2) Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phải khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của quốc gia đi sau. Tập trung đầu tư phát triển một số lĩnh vực trọng điểm, cơ bản, nhất là tận dụng ưu thế về đa dạng sinh học nước ta.

(3) Phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng là giải pháp ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội; lấy doanh nghiệp là chủ thể, có cơ chế, chính sách vượt trội tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công nghiệp sinh học.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát

Tập trung phát triển, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia có nền công nghệ sinh học phát triển trên thế giới, trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á. Xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào GDP cả nước.

2.2- Mục tiêu cụ thể

* Đến năm 2030

- Nền công nghệ sinh học nước ta đạt trình độ tiên tiến thế giới trên một số lĩnh vực quan trọng, là một trong 10 quốc gia hàng đầu Châu Á về sản xuất và dịch vụ thông minh công nghệ sinh học; được ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Xây dựng nền công nghệ sinh học có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Công nghiệp sinh học trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; doanh nghiệp công nghiệp sinh học tăng 50% về quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng, thay thế ít nhất 50% sản phẩm công nghệ sinh học nhập khẩu; đóng góp 7% vào GDP; bảo đảm nhu cầu thiết yếu của xã hội.

* Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam là quốc gia có nền công nghệ sinh học phát triển trên thế giới, trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công

nghe sinh học thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á. Công nghiệp sinh học đóng góp 10-15% vào GDP.

3- Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một nội dung, nhiệm vụ được xác định trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, ngành, lĩnh vực.

- Hệ thống báo chí chú trọng giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học; chủ động tuyên truyền các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động hiệu quả.

3.2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; bảo đảm an toàn sinh học.

- Có chính sách vượt trội, phù hợp để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học; đào tạo, phát hiện, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm mối liên kết, gắn bó giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; xây dựng, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học.

3.3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

- Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; các vaccine và chế phẩm

sinh học phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý, hiếm.

- Phát triển, ứng dụng, hiện đại hoá công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu trong nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế. Tập trung nghiên cứu, sản xuất thuốc, vaccine đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh; nghiên cứu công nghệ tế bào gốc trong công nghiệp dược phẩm, công nghệ gen, sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

- Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế biển.

- Tập trung xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sớm quy hoạch phát triển công nghiệp sinh học, khai thác tối đa lợi thế vùng nhằm sản xuất các sản phẩm chủ lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; liên kết các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm công nghệ sinh học.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ sinh học nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

- Chủ động ứng phó tình huống bùng nổ bệnh tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3.4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

- Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ sinh học từ giáo dục phổ thông đến đại học và trên đại học. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, bảo đảm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực công nghệ sinh học có trình độ cao.

- Tập trung đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà Việt Nam có lợi thế.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, sớm đưa các trung tâm công nghệ sinh học quốc gia ở ba miền Bắc, Trung, Nam vào hoạt động; hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, các trung tâm đánh giá, kiểm định; xây dựng một số trung tâm kiểm soát dịch bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu giám sát và phòng, chống dịch bệnh.

- Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ đạt trình độ quốc tế; nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu công nghệ sinh học lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

3.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tuân thủ các điều ước quốc tế có liên quan đến công nghệ sinh học mà Việt Nam tham gia. Có chính sách mua, chuyển giao, trao đổi công nghệ sinh học, trong đó quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao của thế giới vào Việt Nam; hợp tác nghiên cứu mô hình phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các quốc gia có trình độ công nghệ sinh học phát triển.

III- MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM TRUYỀN THÔNG VỀ QUYỀN CON NGƯỜI NĂM 2023

Căn cứ Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1079/QĐ-TTg và thực tiễn công tác bảo đảm, đấu tranh về quyền con người và các ưu tiên trong năm đầu tiên Việt Nam là thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025, vừa qua, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về Nhân quyền tỉnh Tuyên Quang đã có văn bản gửi tài liệu hướng dẫn truyền thông về quyền con người năm 2023. Theo đó, năm 2023, hoạt động truyền thông về quyền con người tập trung vào các nội dung:

1- Nội dung truyền thông

1.1- Thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

- Bảo đảm quyền tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, trong đó chú trọng quyền tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành;

- Vấn đề đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, công nhận tổ chức tôn giáo, cấp phép các điểm nhóm tôn giáo;

- Nhận diện, đấu tranh với các hiện tượng “đạo lạ”, “tà đạo”, “hiện tượng tôn giáo mới” xâm phạm an ninh quốc gia (Hội thánh Tin lành Đấng Christ, Dương Văn Minh, Bà Cô Dợ...);

- Chủ động phản bác các thông tin thiếu khách quan, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, tôn giáo.

1.2- Bảo đảm quyền của đồng bào dân tộc thiểu số

- Bảo đảm an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số; quyền tiếp cận, giáo dục, y tế...;

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa;

- Quyền bầu cử, ứng cử, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội;

- Quyền tiếp cận thông tin, thụ hưởng thông tin;

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác dân tộc...

1.3- Phòng, chống mua bán người

- nỗ lực và kết quả trong công tác phòng, chống mua bán người;

- Hỗ trợ cho nạn nhân mua bán người trở về;

- Chủ động đấu tranh, phản bác các luận điệu xuyên tạc, thiếu khách quan về tình hình mua bán người ở Việt Nam trong một số báo cáo nhân quyền của quốc tế...

1.4- Bảo đảm quyền của người lao động trong và ngoài nước

- Bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động (chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn, bảo đảm tiền lương tối thiểu cho người lao động theo từng vùng, hỗ trợ tạo điều kiện nhà ở cho người lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, đào tạo, nâng cao trình độ cho người lao động...);

- Bảo đảm quyền cho người lao động làm việc ở nước ngoài (vấn đề đào tạo, giáo dục, định hướng người lao động làm việc ở nước ngoài đến khi hết hợp đồng, hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh đối với người lao động ở nước ngoài; hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người lao động sau khi trở về nước, vấn đề quản lý doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài...).

- Hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn cấp cơ sở.

1.5- Bảo đảm quyền không bị tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo

Quyền xét xử công bằng, phù hợp chuẩn mực quốc tế;

không bị tra tấn trong điều tra, truy tố, xét xử, tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự;

vấn đề đặc xá, bảo đảm quyền của phạm nhân, người bị tạm giam, tạm giữ...;

xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức vi phạm Công ước Chống tra tấn.

1.6- Kết quả triển khai thực thi các cam kết quốc tế về quyền con người

- Thực thi các cam kết quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam là thành viên;

- Các ưu tiên, sáng kiến của Việt Nam trong nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025 (tham gia các khóa họp Hội đồng tháng 3, tháng 6 và tháng 9); trong đó, chú trọng tuyên truyền 08 nhóm ưu tiên:

Nâng cao hiệu quả hoạt động Hội đồng Nhân quyền gắn với đề cao luật pháp quốc tế; Quyền con người trước tác động biến đổi khí hậu; Chống bạo lực và phân biệt đối xử, tăng cường bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương; Thúc đẩy bình đẳng giới; Quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số; Quyền sức khỏe; Quyền việc làm; Quyền tiếp cận giáo dục chất lượng và giáo dục quyền con người...

1.7- Thông tin, chủ động làm rõ các vụ việc phức tạp, xử lý đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia...; phản bác luận điệu vu cáo, xuyên tạc, thông tin sai sự thật của các thế lực thù địch và phản động trong và ngoài nước.

2- Về thời điểm truyền thông

Tập trung vào các thời điểm (một hoặc hai tháng) và trong khi diễn ra các sự kiện lớn thể hiện vai trò và trách nhiệm của Việt Nam khi tham gia các Công ước quốc tế về quyền con người:

- Việt Nam bảo vệ Báo cáo quốc gia thực thi Công ước về chống phân biệt chủng tộc (CERD) lần thứ 5 (diễn ra vào tháng 11/2023): Tuyên truyền từ tháng 7 đến tháng 11/2023.

- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị: Quý III (tháng 7, 8, 9/2023).

- Công ước Chống tra tấn (CAT): Quý III (tháng 7, 8, 9/2023).

- Tuyên truyền về quá trình xây dựng Dự thảo Báo cáo quốc gia theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ IV của Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (cả năm).

3- Về cách thức truyền thông

Nâng cao hơn nữa hiệu quả “phủ xanh” thông tin tích cực, tác động, thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về tình hình nhân quyền Việt Nam, đa dạng, tích hợp dưới các hình thức: Báo in, báo hình, qua mạng xã hội (fanpage, youtube, tiktok...); biên soạn bộ tài liệu truyền thông; sản xuất đăng phát các sản phẩm truyền thông về quyền con người bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; truyền thông qua trao đổi, tiếp xúc trực tiếp với các đối tác/tổ chức nước ngoài nhân dịp tiếp khách, đón đoàn hay đoàn đi công tác nước ngoài...; tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu về quyền con người./.
